

TỔNG CÔNG TY TM XNK
THANH LỄ - CTCPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúcSố: 2.3.4/CV-TL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP

- Mã chứng khoán: TLP

- Địa chỉ: Số 63 Yersin, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274 3829534 Fax: 0274 3824112

- Email: contact@thalexim.vn

Website: thalexim.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được kiểm toán):

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2026 tại đường dẫn: thalexim.vn

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2025;
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Băng Trang

**TỔNG CÔNG TY TM XNK
THANH LỄ - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2.3.5**/CV-TL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình biến động lợi
nhuận sau thuế thu nhập doanh
nghiệp tại BCTC công ty mẹ
năm 2025 sau kiểm toán.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Mã chứng khoán: TLP
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (0274) 3829 535 Fax: (0274) 3829 533

- Người thực hiện công bố thông tin: (Bà) Phạm Thị Băng Trang.

- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Nội dung thông tin công bố:

2.1. Giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2025 sau kiểm toán so với báo cáo năm 2024:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 93,08 tỷ đồng, tăng 295,80% so với năm 2024, nguyên nhân chủ yếu do lãi gộp hoạt động kinh doanh xăng dầu tăng 18,41%. Đồng thời, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm góp phần đáng kể vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh, tuy chi phí tài chính tăng nhưng không đủ lớn để đảo chiều xu hướng tăng và không đáng kể so với mức tăng trưởng của doanh thu.

2.2. Giải trình về biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2025 trước và sau kiểm toán:

Sau kiểm toán, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm 30 tỷ đồng, tương đương 24,38% so với lợi nhuận sau thuế trước kiểm toán, nguyên nhân chủ yếu do thực hiện phân bổ lại khoản mục chi phí trả trước dài hạn về lợi thế thương mại bổ sung 307,42 tỷ đồng.

Căn cứ Công văn số 6705/UBCK-GSDC ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố bổ sung khoản chi phí chưa phân bổ trong năm 2023 và 2024, cụ thể: Theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng Công ty thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại 307,42 tỷ đồng trong 05 năm từ năm 2023 đến năm 2027, mỗi năm phân bổ 61,48 tỷ đồng.

Tuy nhiên, theo Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/08/2025 về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước của Bộ

trưởng Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025, Tổng Công ty thực hiện phân bổ lại trong 03 năm từ năm 2023 đến năm 2025, mỗi năm phân bổ 102,47 tỷ đồng, chênh lệch tăng 41 tỷ đồng so với khi thực hiện theo Thông tư số 138/2012/TT-BTC.

Do đó, sau khi thực hiện phân bổ lại đã ảnh hưởng đến khoản mục chi phí khác. Chi phí khác tăng 104,32 tỷ do điều chỉnh hạch toán từ chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí khác dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 61,48 tỷ đồng, đồng thời tăng thêm 41 tỷ do phân bổ lại chi phí trả trước dài hạn liên quan đến lợi thế thương mại ghi nhận trong năm 2025.

Sau các điều chỉnh nêu trên, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm kéo theo chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giảm 11 tỷ.

3. Loại thông tin công bố: ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Theo yêu cầu

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử www.thalexim.vn của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

-Như Kính gửi;

-Lưu: KT, HC.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Băng Trang

**TỔNG CÔNG TY TM XNK
THANH LỄ - CTCP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2.3.7**/CV-TL

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình về ý kiến kiểm
toán ngoại trừ tại BCTC công
ty mẹ năm 2025.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Mã chứng khoán: TLP
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ
Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (0274) 3829 535 Fax: (0274) 3829 533
- Người thực hiện công bố thông tin: (Bà) Phạm Thị Băng Trang.
- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

2. Nội dung thông tin công bố: Giải trình về ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2025, Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt có ý kiến ngoại trừ cụ thể như sau: *“Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm, dẫn đến khoản mục Hàng tồn kho (Thuyết minh V.6) trên Bảng Cân đối kế toán chưa được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tổng Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục Hàng tồn kho trên bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi, chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm tương ứng khoản 30,6 tỷ Đồng”.*

Tổng Công ty giải trình đối với ý kiến của kiểm toán như sau:

Hoạt động kinh doanh xăng dầu chịu tác động trực tiếp từ biến động giá thị trường thế giới và cơ chế điều hành giá trong nước. Theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 về kinh doanh xăng dầu, giá bán lẻ xăng dầu được điều chỉnh định kỳ và thay đổi theo diễn biến thị trường; Giá trị hàng tồn kho xăng dầu tại từng thời điểm cũng có tính biến động liên tục, trên cơ sở đó, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào thời điểm cuối kỳ không phản ánh đặc thù biến động giá của mặt hàng xăng dầu. Vì vậy, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm đối với mặt hàng xăng dầu.

3. Loại thông tin công bố: ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Theo yêu cầu

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử www.thalexim.vn của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: KT, HC.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN *seu*
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho niên độ kế toán 2025

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	8 – 11
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho niên độ kế toán 2025	12
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho niên độ kế toán 2025	13 – 14
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025	15 – 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số 3700146458, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 12 năm 2025.

Vốn điều lệ : 2.366.000.000.000 Đồng

Vốn pháp định : 6.000.000.000 Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : 3700146458

- * Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HĐQT |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HĐQT |
| 4. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HĐQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HĐQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|------------------------|---|
| 1. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Bùi Kim Nga | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 18/06/2025) |
| 5. | Ông | Nguyễn Viết Trọng Nhân | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 18/06/2025) |
| 6. | Ông | Trần Tấn Tới | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 18/06/2025) |

Bà Phạm Thị Băng Trang được bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm: 05 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 08/NQ-HĐQT ngày 18/06/2025.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Bà Bùi Kim Nga, Ông Nguyễn Việt Trọng Nhân, Ông Trần Tấn Tới được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm kể từ ngày được bổ nhiệm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP số 07/NQ-HĐQT ngày 18/06/2025.

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 08 đến trang 67.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán cùng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025 kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 67, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm, dẫn đến khoản mục Hàng tồn kho (Thuyết minh V.6) trên Bảng Cân đối kế toán chưa được phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Các tài liệu tại Tổng Công ty cho thấy, nếu phản ánh theo giá trị thuần có thể thực hiện được thì khoản mục Hàng tồn kho trên bảng Cân đối kế toán sẽ giảm đi, chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm tương ứng khoản 30,6 tỷ Đồng.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho niên độ kế toán 2025 kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP; phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.1 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu tương ứng trên Báo cáo tài chính riêng liên quan đến việc phân bổ lợi thế kinh doanh của những năm trước. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1762-2023-124-1

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4705-2024-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.662.167.115.953	5.868.773.650.754
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.737.714.139.612	1.263.099.099.951
111	1. Tiền		704.209.139.612	629.594.099.951
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.033.505.000.000	633.505.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.280.381.110.160	1.814.311.421.979
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	2.056.126.586.415	1.602.650.432.769
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	10.915.276.753	15.019.051.983
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	218.987.947.370	202.290.637.605
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(5.648.700.378)	(5.648.700.378)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		2.624.259.735.912	2.716.206.051.080
141	1. Hàng tồn kho	V.6	2.624.259.735.912	2.716.206.051.080
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		19.812.130.269	75.157.077.744
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7	6.241.252.745	9.209.897.851
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		176.566.149	43.404.668.540
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	13.394.311.375	22.542.511.353
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.331.641.006.142	2.489.976.856.208
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000.000	38.917.808.185
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.9	-	13.184.628.740
215	3. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	4. Phải thu dài hạn khác	V.10	20.000.000.000	25.733.179.445
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
220	II. Tài sản cố định		759.088.616.519	948.265.082.766
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	569.416.222.130	633.724.218.406
222	- Nguyên giá		1.579.854.155.238	1.585.736.845.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.010.437.933.108)	(952.012.626.728)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	189.672.394.389	314.540.864.360
228	- Nguyên giá		297.320.315.399	420.626.257.318
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.647.921.010)	(106.085.392.958)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.13	291.798.594.250	173.808.029.656
231	- Nguyên giá		337.862.578.075	212.496.617.975
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.063.983.825)	(38.688.588.319)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		344.591.807.081	312.063.266.177
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.14	47.131.030.447	37.973.870.280
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.15	297.460.776.634	274.089.395.897
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		910.625.707.872	910.625.707.872
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.16	616.229.963.381	616.229.963.381
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.17	294.395.744.491	294.395.744.491
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.536.280.420	106.296.961.552
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.18	5.536.280.420	106.296.961.552
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	4. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.993.808.122.095	8.358.750.506.962

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.605.519.362.725	6.019.319.225.809
310	I. Nợ ngắn hạn		6.319.926.224.655	5.705.487.778.908
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.19	469.558.363.829	917.834.430.166
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.20	43.226.436.155	24.941.675.919
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.21	268.199.007.226	218.910.049.672
314	4. Phải trả người lao động		5.947.465.445	5.875.192.063
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.22	8.513.698.137	6.175.785.508
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.23	8.562.445.395	312.067.027.372
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.24	5.119.326.002.538	3.826.991.038.512
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.25	4.952.177.313	1.834.384.388
323	11. Quỹ bình ổn giá	V.26	391.640.628.617	390.858.195.308
324	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		285.593.138.070	313.831.446.901
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.27	22.024.200.000	22.024.200.000
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.28	219.352.501.016	231.504.745.859
337	5. Phải trả dài hạn khác	V.29	20.411.654.054	22.583.438.042
338	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.30	23.804.783.000	37.719.063.000
339	7. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	8. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	10. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.388.288.759.370	2.339.431.281.153
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.31	2.388.288.759.370	2.339.431.281.153
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.31.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ	V.31.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	V.31.3	34.930.566.439	30.017.044.517
421	9. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.31.4	(12.398.007.069)	(56.341.963.364)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(105.479.443.111)	(79.859.134.108)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		93.081.436.042	23.517.170.744
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.993.808.122.095	8.358.750.506.962

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho niên độ kế toán 2025

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.218.533.753.826	19.953.182.244.814
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.32	21.218.533.753.826	19.953.182.244.814
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.33	20.389.738.607.166	19.253.274.992.400
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		828.795.146.660	699.907.252.414
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.34	89.191.902.596	91.722.293.733
22	7. Chi phí tài chính	VI.35	284.158.308.881	267.801.836.108
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		241.801.021.523	204.675.762.195
25	8. Chi phí bán hàng	VI.36	355.342.252.945	429.029.123.550
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.37	75.149.141.956	76.133.326.625
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		203.337.345.474	18.665.259.864
31	11. Thu nhập khác	VI.38	16.097.555.080	63.487.051.021
32	12. Chi phí khác	VI.39	110.038.022.082	58.635.140.141
40	13. Lợi nhuận khác		(93.940.467.002)	4.851.910.880
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		109.396.878.472	23.517.170.744
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.40	16.315.442.430	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		93.081.436.042	23.517.170.744

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho niên độ kế toán 2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		25.648.041.446.849	24.677.802.658.978
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(22.724.008.720.125)	(20.638.452.899.862)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(92.893.433.361)	(92.928.673.753)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(239.624.930.867)	(208.666.843.637)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.21	(5.445.071.460)	(27.415.703.604)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		129.435.330.735	602.513.952.831
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.616.876.086.592)	(3.587.317.922.428)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(901.371.464.821)	725.534.568.525
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(74.776.333.193)	(68.787.351.139)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		129.611.705.696	79.313.604.096
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	63.750.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(16.672.307.800)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		70.288.374.335	47.595.381.293
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		125.123.746.838	105.199.326.450

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.24	23.403.957.140.721	20.644.466.371.332
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(22.117.425.936.603)	(21.529.580.561.871)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.701.146.420)	(73.527.289.665)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.250.830.057.698	(958.641.480.204)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		474.582.339.715	(127.907.585.229)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.263.099.099.951	1.390.996.228.131
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		32.699.946	10.457.049
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.737.714.139.612	1.263.099.099.951

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho niên độ kế toán 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính riêng cho niên độ kế toán 2025 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là "Tổng Công ty".

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày không bao gồm hợp nhất tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau: Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con;
- + Các Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- ❖ Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng số liệu kế toán vào Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty

	Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	Văn phòng giao dịch, cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường
8.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9.	Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM	Dịch vụ cho thuê hội trường
10.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
11.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 - Thanh Lễ	Áp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12.	Kho cảng xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
13.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Dương	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần I, Phường Dĩ An, TP.HCM	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14.	Nhà máy SX Bê tông An Sơn	Phường Thuận An, TP.HCM	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15.	Hệ thống 17 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TP HCM và Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ Công ty con và Công ty liên doanh liên kết

Tên Công ty	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp	Vốn đầu tư của Tổng Công ty	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	3702395178	480.000.000.000	60,00%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Trồng rừng, trồng cây lâu năm, chăn nuôi... các hoạt động kinh doanh liên quan đến nông lâm nghiệp	3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	3700148529	256.458.010.136	25,00%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền có phân biệt theo từng nguồn hàng nhập khẩu và nội địa; hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/05/2025 của Bộ Tài chính.
- Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+ Máy móc và thiết bị	03 – 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+ Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSĐĐ) có thời hạn và QSĐĐ lâu dài.
- Nguyên giá của Quyền sử dụng đất (QSĐĐ) gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSĐĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSĐĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

❖ Chương trình phần mềm

- Nguyên giá chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

❖ Giấy phép xả nước thải

Nguyên giá của Giấy phép xả nước thải là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã chi ra để được cấp giấy phép xả nước thải theo quy định. Các chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của giấy phép. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ vô hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Chương trình phần mềm	10
+ Giấy phép xả nước thải	10

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).
- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

❖ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn. Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.
- Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

15. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ *Cổ phiếu quỹ*

- Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

❖ Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.
- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

19. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

21. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

22. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

		DVT: Đồng	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		9.533.139.000	73.378.943.500
- Tiền gửi ngân hàng (*)		694.676.000.612	556.215.156.451
- Các khoản tương đương tiền (**)		1.033.505.000.000	633.505.000.000
	Cộng	1.737.714.139.612	1.263.099.099.951
(*) Trong đó Tiền gửi		USD 58,612.98	USD 39,105.86

(**) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.506.139.967.953	1.107.987.615.124
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	349.948.249.740	335.484.701.646
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	200.038.368.722	159.178.115.999
Cộng	2.056.126.586.415	1.602.650.432.769

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	305.721.604.252	201.727.315.063
+ Công ty CP SX KD Thanh Lễ	-	7.116.450
+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	9.090.320.000	5.963.750.000
+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	1.482.546.466

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	5.332.485.537	3.192.786.632
- Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	5.045.141.809	8.529.647.029
- Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	537.649.407	3.296.618.322
Cộng	10.915.276.753	15.019.051.983

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	33.055.340.462	69.087.331.615
- Tạm ứng	58.752.963.528	58.546.233.668
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.673.358.685	4.047.018.959
- Công ty TNHH An Sơn BD Logistics (*)	48.900.000.000	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị BD (*)	6.457.028.794	7.033.670.043
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*)	7.662.907.957	9.961.780.345
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	3.600.629.235	4.800.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S (*)	15.175.930.000	-
- Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV3 - Xăng dầu	38.533.799.847	47.912.838.989
- Các đối tượng khác	1.175.988.862	901.763.986
Cộng	218.987.947.370	202.290.637.605

(*) Là Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ Thương mại Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải Xây dựng Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
Cộng	5.733.757.169	(5.648.700.378)	5.733.757.169	(5.648.700.378)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	750.915.360.368	666.260.790.567
- Nguyên liệu, vật liệu	65.721.196.350	66.177.602.277
- Công cụ, dụng cụ	11.750.000	26.750.000
- Thành phẩm	478.046.035.929	504.448.017.422
- Hàng hoá	1.329.565.393.265	1.479.292.890.814
Cộng	2.624.259.735.912	2.716.206.051.080

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ	3.050.341.215	957.392.682	(2.981.479.572)	1.026.254.325
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	6.159.556.636	13.626.110.937	(14.570.669.153)	5.214.998.420
Cộng	9.209.897.851	14.583.503.619	(17.552.148.725)	6.241.252.745

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.672.140.383	22.542.511.353
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	1.722.170.992	-
Cộng	13.394.311.375	22.542.511.353

9. Trả trước cho người bán dài hạn

- 13.184.628.740

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

10. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	-	5.733.179.445
Cộng	20.000.000.000	25.733.179.445

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

11. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Chỉ tiêu						
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.145.094.888.357	210.739.223.366	221.342.113.130	6.999.268.660	1.561.351.621	1.585.736.845.134
Tăng trong năm	2.288.117.168	435.176.945	4.152.902.725	53.800.000	-	6.929.996.838
Thanh lý, nhượng bán	(1.963.677.466)	(897.814.452)	(9.920.723.936)	(30.470.880)	-	(12.812.686.734)
Số cuối năm	1.145.419.328.059	210.276.585.859	215.574.291.919	7.022.597.780	1.561.351.621	1.579.854.155.238
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	686.620.965.342	120.254.341.947	139.288.662.667	4.752.628.064	1.096.028.708	952.012.626.728
Khấu hao trong năm	37.153.205.800	16.344.884.045	14.608.620.141	488.744.512	246.028.577	68.841.483.075
Thanh lý, nhượng bán	(1.886.213.005)	(820.696.562)	(7.679.978.040)	(29.289.088)	-	(10.416.176.695)
Số cuối năm	721.887.958.137	135.778.529.430	146.217.304.768	5.212.083.488	1.342.057.285	1.010.437.933.108
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	458.473.923.015	90.484.881.419	82.053.450.463	2.246.640.596	465.322.913	633.724.218.406
Số cuối năm	423.531.369.922	74.498.056.429	69.356.987.151	1.810.514.292	219.294.336	569.416.222.130
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Số đầu năm	15.601.597.214	34.976.822.551	17.668.035.446	1.231.091.527	45.900.000	69.523.446.738
Số cuối năm	14.106.570.948	38.371.323.728	45.504.680.579	1.612.731.890	1.188.451.621	100.783.758.766

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

12. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [a]	Chương trình phần mềm [b]	Giấy phép và GP nhượng quyền [c]	Tổng cộng
Chỉ tiêu				
Nguyên giá				
Số đầu năm	419.880.168.499	427.907.000	318.181.819	420.626.257.318
Tăng trong năm	-	2.378.200.000	-	2.378.200.000
Phân loại sang BĐSĐT	(125.365.960.100)	-	-	(125.365.960.100)
Giảm khác	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Số cuối năm	294.514.208.399	2.806.107.000	-	297.320.315.399
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	105.767.211.139	-	318.181.819	106.085.392.958
Khấu hao trong năm	6.847.742.064	128.697.369	-	6.976.439.433
Phân loại sang BĐSĐT	(5.095.729.562)	-	-	(5.095.729.562)
Giảm khác	-	-	(318.181.819)	(318.181.819)
Số cuối năm	107.519.223.641	128.697.369	-	107.647.921.010
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314.112.957.360	427.907.000	-	314.540.864.360
Số cuối năm	186.994.984.758	2.677.409.631	-	189.672.394.389

[a] Là Quyền sử dụng đất tại các cửa hàng xăng dầu, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

[b] Là Phần mềm quản lý các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và Hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP tại văn phòng Tổng công ty.

[c] Là Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

13. Bất động sản đầu tư

Nhóm BĐS Chi tiêu	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, VKT tại Cao ốc Bình Dương	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	155.738.416.055	22.486.765.076	34.271.436.844	212.496.617.975
Tăng trong năm	125.365.960.100	-	-	125.365.960.100
Số cuối năm	281.104.376.155	22.486.765.076	34.271.436.844	337.862.578.075
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	21.231.616.449	7.904.639.418	9.552.332.452	38.688.588.319
Khấu hao trong năm	523.021.476	444.125.652	1.312.518.816	2.279.665.944
Tăng khác	5.095.729.562	-	-	5.095.729.562
Số cuối năm	26.850.367.487	8.348.765.070	10.864.851.268	46.063.983.825
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	134.506.799.606	14.582.125.658	24.719.104.392	173.808.029.656
Số cuối năm	254.254.008.668	14.138.000.006	23.406.585.576	291.798.594.250

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại khu Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, nay là Phường Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).
- Quyền sử dụng đất tại Phường An Bình.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- [b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

14. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	19.077.965.146	18.130.928.479
- Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	8.210.123.500	-
Cộng	47.131.030.447	37.973.870.280

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.384.838.969	171.225.638.972
- Cải tạo Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	42.694.396.688	41.675.730.866
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	47.704.055.929	31.496.511.606
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	8.802.182.913	5.553.919.197
- Các công trình, dự án khác	26.875.302.135	24.137.595.256
Cộng	297.460.776.634	274.089.395.897

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

16. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	45.302.676.635
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	8.188.380.782
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	480.000.000.000
Cộng	616.229.963.381	616.229.963.381

Giá trị khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của TCT
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị BD	43.738.905.964	26.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	15.000.000.000	100,00%
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

17. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Giá trị khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Số cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ lợi ích của TCT
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	256.458.010.136	25.000.000	25,00%
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.937.734.355	3.743.327	35,02%
Cộng	294.395.744.491		

18. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Lợi thế thương mại (*)	102.472.193.907	-	(102.472.193.907)	-
- Công cụ dụng cụ, chi phí khác	3.029.719.962	19.774.195.085	(17.665.158.382)	5.138.756.665
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	795.047.683	-	(397.523.928)	397.523.755
Cộng	106.296.961.552	19.774.195.085	(120.534.876.217)	5.536.280.420

- (*) Khoản tiền ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên;

Tổng Công ty thực hiện phân bổ trong thời hạn 3 năm (2023 – 2025).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả hoạt động kinh doanh xăng dầu	467.638.576.538	908.406.647.292
- Phải trả hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.123.293.578	8.350.790.155
- Phải trả hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	796.493.713	1.076.992.719
Cộng	469.558.363.829	917.834.430.166

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	4.225.173.559	4.736.710.174
+ Công ty CP SXKD Thanh Lễ	-	22.822.000
+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	484.640.000	-

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Trả trước hoạt động kinh doanh xăng dầu	41.873.290.475	24.601.554.959
- Trả trước hoạt động kinh doanh Bất động sản	1.250.000.000	250.000.000
- Trả trước hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác	103.145.680	90.120.960
Cộng	43.226.436.155	24.941.675.919

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	36.128.627.251	23.770.187.160
---	----------------	----------------

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phải nộp trong năm (*)	Thực nộp trong năm (*)	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	3.639.233.768	170.126.155.055	146.527.097.747	27.238.291.076
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.912.838.989	903.542.871.582	912.921.910.724	38.533.799.847
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt (*)	13.471.355.144	488.000.728.156	479.663.800.717	21.808.282.583
- Thuế Xuất, Nhập khẩu (*)	-	17.344.252.496	17.337.577.395	6.675.101
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(22.542.511.353)	16.315.442.430	5.445.071.460	(11.672.140.383)
- Thuế Thu nhập cá nhân	966.133.937	3.090.526.526	3.908.324.567	148.335.896
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	37.602.859.020	39.325.030.012	(1.722.170.992)
- Thuế bảo vệ môi trường	152.920.487.834	1.808.908.413.119	1.781.365.278.230	180.463.622.723
- Lệ phí môn bài		34.000.000	34.000.000	
- Các khoản phải nộp khác	-	3.048.165.730	3.048.165.730	-
Cộng	196.367.538.319	3.448.013.414.114	3.389.576.256.582	254.804.695.851
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế phải nộp	218.910.049.672			268.199.007.226
+ Thuế nộp thừa (Thuyết minh V.8)	(22.542.511.353)			(13.394.311.375)

(*) Số phải nộp, thực nộp trong năm được trình bày theo số thuần (đã bù trừ với số thuế của hàng nhập khẩu được hoàn).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : Chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 8% và 10% : Xăng, dầu, nhớt; đá xây dựng; cho thuê mặt bằng, dịch vụ khác...

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * 8% : Xăng E5 Ron 92
- * 10% : các loại xăng khác
- * 20% : hoạt động kinh doanh Gôn

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Nghị định sau:

- Nghị định 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí lãi vay	6.212.124.530	4.043.523.459
- Trích trước phí thuê kho tại CN Hải Phòng	1.616.017.115	1.446.878.635
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Chi phí khác	272.192.308	272.019.230
Cộng	8.513.698.137	6.175.785.508

23. Phải trả ngắn hạn khác

- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D (*)	7.000.000.000	7.000.000.000
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Cổ tức còn phải trả cho cổ đông	151.363.120	128.944.640
- Phải trả Upas LC tại các Ngân hàng TMCP	-	303.535.199.560
- Các khoản phải trả khác	33.201.475	25.002.372
Cộng	8.562.445.395	312.067.027.372

(*) Phải trả Bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
24.1 Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	692.503.974.217	5.530.735.738.858	(5.338.792.436.212)	884.447.276.863
24.2 Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	-	286.795.353.997	(186.795.353.997)	100.000.000.000
24.3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.127.571.799.090	5.637.748.255.338	(5.213.599.957.122)	1.551.720.097.306
24.4 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở HCM	-	653.769.912.580	(653.769.912.580)	-
24.5 Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10	595.432.097.572	1.547.888.400.597	(1.447.025.200.525)	696.295.297.644
24.6 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM	21.018.282.788	743.243.063.299	(764.261.346.087)	-
24.7 Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	495.616.763.874	1.824.367.795.909	(1.928.018.334.014)	391.966.225.769
24.8 The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	147.713.763.578	974.242.816.270	(1.036.094.813.989)	85.861.765.859
24.9 Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	-	765.911.942.627	(665.910.626.694)	100.001.315.933
24.10 Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	-	570.366.210.838	(375.156.756.872)	195.209.453.966
24.11 Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) - CN TP HCM	182.467.060.446	1.806.356.001.544	(1.988.823.061.990)	-
24.12 Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN TT KD DN lớn HCM	358.317.341.228	1.013.265.742.930	(1.231.161.818.981)	140.421.265.177
24.13 Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	206.349.955.719	2.049.265.905.934	(1.282.212.557.632)	973.403.304.021
Cộng	3.826.991.038.512	23.403.957.140.721	(22.111.622.176.695)	5.119.326.002.538

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 14/02/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS04/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 26/8/2025, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/01/2026
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

24.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/83406/HĐTD ngày 10/9/2025 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, thanh chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/83406/HĐTD ngày 31/12/2025 với các nội dung sau:

- Số tiền vay : 53.191.687.446 Đồng
- Mục đích vay : Nộp thuế Nhập khẩu, TTĐB, GTGT
- Thời hạn vay : 90 ngày
- Lãi suất : 6,5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

24.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Hội sở TP HCM

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-4365-01 ngày 20/01/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 400.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu, thanh toán các loại thuế (trừ thuế TNDN), bảo lãnh thanh toán cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành L/C phục vụ hoạt động nhập khẩu, mua trong nước xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại kế ước nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng kế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/ phí liên quan đến nhập khẩu/ kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

24.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

24.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0020/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 27/8/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày 27/8/2026
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

24.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023; Thư gia hạn ngày 29/11/2024 và Thư gia hạn ngày 28/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/11/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 307/2025/HDTD/BDG ngày 17/12/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

24.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 351878.25.120.969666.TD ngày 20/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 05/11/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

24.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

24.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTD ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

24.13 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (từ ngày 27/6/2025 đến hết ngày 27/6/2026)
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

25. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích lập từ lợi nhuận (*)	Chi trong năm	Số cuối năm
- Quỹ khen thưởng	-	3.685.141.441	-	3.685.141.441
- Quỹ phúc lợi	20.919	3.685.141.442	(3.435.600.000)	249.562.361
- Quỹ khen thưởng, thù lao Ban Điều hành	1.834.363.469	1.130.110.042	(1.947.000.000)	1.017.473.511
Cộng	1.834.384.388	8.500.392.925	(5.382.600.000)	4.952.177.313

(*) Tham chiếu Thuyết minh số V.31.4

26. Quỹ bình ổn giá

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Sử dụng trong năm	Số cuối năm
- Quỹ bình ổn giá	384.328.214.236	-	-	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	6.529.981.072	782.433.309	-	7.312.414.381
Cộng	390.858.195.308	782.433.309	-	391.640.628.617

	Số cuối năm	Số đầu năm
27. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000

Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.

28. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Tiền thuê dài hạn nhận trước của hoạt động cho thuê hạ tầng KCN và văn phòng làm việc:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	231.504.745.859	243.656.990.867
- Doanh thu thực hiện trong năm	(12.152.244.843)	(12.152.245.008)
- Số cuối năm	219.352.501.016	231.504.745.859

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

29. Phải trả dài hạn khác

Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.327.098.920	5.160.279.960
- Công ty TNHH Dong-A Vina	4.020.329.586	3.894.432.318
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty TNHH Nhựa Tai Yuan Bình Dương	-	2.159.161.704
- Công ty CP Vaccine Việt Nam - CN Bình Dương	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam)	1.180.769.327	1.180.769.327
- Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam	1.192.472.518	1.155.130.049
- Các đối tượng khác	5.187.900.423	5.530.581.404
Cộng	20.411.654.054	22.583.438.042

30. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Ngân hàng	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
30.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	15.900.000.000	-	(10.600.000.000)	5.300.000.000
30.2 Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương	21.819.063.000	-	(3.314.280.000)	18.504.783.000
Cộng	37.719.063.000	-	(13.914.280.000)	23.804.783.000

30.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/07/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 53.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 31/12/2025 : 5.300.000.000 Đồng

Trong đó nợ đến hạn : 5.300.000.000 Đồng

trong vòng 12 tháng

30.2 Vay dài hạn Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/05/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 16-2025/HĐSĐBS-QBVMT ngày 24/12/2025 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : 23.079.393.000 Đồng
- Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
- Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
- Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
- Dư nợ 31/12/2025 : 18.504.783.000 Đồng

Trong đó nợ đến hạn : 3.314.280.000 Đồng

trong vòng 12 tháng

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

31. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A Năm trước				
31.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
31.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
31.3 Quỹ đầu tư phát triển	15.658.122.666	14.358.921.851	-	30.017.044.517
31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.850.452.561	23.517.170.744	99.709.586.669	(56.341.963.364)
Cộng	2.401.264.775.227	37.876.092.595	99.709.586.669	2.339.431.281.153
B Năm nay				
31.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
31.2 Cổ phiếu quỹ	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
31.3 Quỹ đầu tư phát triển	30.017.044.517	4.913.521.922	-	34.930.566.439
31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(56.341.963.364)	93.081.436.042	49.137.479.747	(12.398.007.069)
Cộng	2.339.431.281.153	97.994.957.964	49.137.479.747	2.388.288.759.370

31.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu 10.000 Đồng/Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành 236.600.000 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành 236.600.000 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (20.100) Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành 236.579.900 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 236.579.900 Cổ phiếu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cuối năm (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là UBND Thành phố Hồ Chí Minh)	85.176.000	36,00%	85.176.000	36,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	64,00%	151.424.000	64,00%
Cộng	236.600.000	100,00 %	236.600.000	100,00 %

31.2 Cổ phiếu quỹ

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/05/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/06/2019 đến 22/07/2019.

31.3 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	30.017.044.517	15.658.122.666
- Trích trong năm	4.913.521.922	14.358.921.851
- Số cuối năm	34.930.566.439	30.017.044.517

31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

- Số đầu năm	(56.341.963.364)	19.850.452.561
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(49.137.479.747)	(99.709.586.669)
+ Quỹ đầu tư phát triển	(4.913.521.922)	(14.358.921.851)
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.370.282.883)	(9.572.614.568)
+ Quỹ Khen thưởng, Thù lao Ban Điều hành	(1.130.110.042)	(2.201.701.350)
+ Chia cổ tức	(35.723.564.900)	(73.576.348.900)
- Lợi nhuận CPP năm trước chuyển năm nay	(105.479.443.111)	(79.859.134.108)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	93.081.436.042	23.517.170.744
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển năm sau	(12.398.007.069)	(56.341.963.364)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN 2025

	ĐVT: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
32. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	20.127.846.479.390	19.151.238.691.797
- Doanh thu bán các thành phẩm	855.325.670.877	559.000.065.029
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.964.037.715	77.677.916.346
- Doanh thu cho thuê, chuyển nhượng BĐS	168.397.565.844	165.265.571.642
Cộng	21.218.533.753.826	19.953.182.244.814
33. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.445.882.470.533	18.627.244.018.894
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	849.008.880.648	564.029.048.470
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.003.995.835	24.497.870.691
- Giá vốn cho thuê, chuyển nhượng BĐS	74.843.260.150	37.504.054.345
Cộng	20.389.738.607.166	19.253.274.992.400
34. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	35.125.936.673	15.442.691.078
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.713.263.751	35.165.779.288
- Lãi chênh lệch tỷ giá	21.233.892.162	39.335.747.486
- Chiết khấu thanh toán	118.810.010	1.778.075.881
Cộng	89.191.902.596	91.722.293.733

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

35. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	241.801.021.523	204.675.762.195
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	42.357.287.358	63.126.073.913
Cộng	284.158.308.881	267.801.836.108

36. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	81.205.332.157	75.429.229.086
- Chi phí vật liệu, bao bì	3.835.731.917	1.936.128.217
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.439.088.525	1.693.003.899
- Chi phí khấu hao TSCĐ	40.250.099.462	39.747.730.311
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.855.987.158	187.348.955.666
- Chi phí bằng tiền khác	155.756.013.726	122.874.076.371
Cộng	355.342.252.945	429.029.123.550

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	31.218.268.060	27.315.585.063
- Chi phí vật liệu quản lý	701.403.233	740.579.097
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.367.752.627	249.737.679
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.001.406.956	5.833.211.615
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.844.330.597	13.035.329.549
- Chi phí bằng tiền khác	21.015.980.483	28.958.883.622
Cộng	75.149.141.956	76.133.326.625

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

38. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	853.872.053	60.118.249.545
- Thu bồi thường di dời	12.665.949.690	-
- Thu tiền điện, nước khách thuê; hoa hồng	1.651.809.035	1.828.590.617
- Thu nhập khác	925.924.302	1.540.210.859
Cộng	16.097.555.080	63.487.051.021

39. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	2.396.510.039	56.255.428.795
- Chi phí phân bổ giá trị lợi thế thương mại	102.472.193.907	-
- Chi phí di dời	1.854.317.947	-
- Chi trả tiền điện, nước khách thuê	1.545.836.996	1.286.915.741
- Chi phí khác	1.769.163.193	1.092.795.605
Cộng	110.038.022.082	58.635.140.141

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

40. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	109.396.878.472	23.517.170.744
<i>Trong đó</i>		
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	18.206.200.382	(49.558.207.777)
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD khác	91.190.678.090	73.075.378.521
- Cộng chi phí, lãi vay không được trừ	78.669.429.819	81.052.411.463
- Trừ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(32.713.263.751)	(35.165.779.288)
- Chuyển lỗ của các năm trước	(73.775.832.393)	(69.403.802.919)
- Tổng Thu nhập tính thuế (TNTT)	81.577.212.147	-
<i>Trong đó:</i>		
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh BĐS	26.247.094.648	-
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD khác	55.330.117.499	-
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.315.442.430	-

41. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	838.966.406.786	642.848.674.421
- Chi phí nhân công	112.423.600.217	102.744.814.149
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.097.588.452	76.083.754.730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.113.795.246	216.711.540.718
- Chi phí khác bằng tiền	179.578.835.361	153.775.701.571
Cộng	1.332.180.226.062	1.192.164.485.589

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Liên quan đến khoản chi phí phân bổ là giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng đất và Thông báo số 53/TB-UBND ngày 22/02/2023 về việc xác định giá trị khu đất thuê lại thuộc Khu công nghiệp Nam Tân Uyên của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (Thuyết minh V.18), trên cơ sở các văn bản pháp luật liên quan ban hành trong năm 2025:

- + Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/08/2025, về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước, của Bộ trưởng Bộ Tài chính. *Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025.*
- + Công văn số 6705/UBCK-GSDC ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước liên quan đến Báo cáo tài chính 2024 chưa phân bổ khoản mục chi phí trả trước dài hạn về lợi thế thương mại bổ sung cho năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc - Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính các năm trước nhằm thực hiện phân bổ khoản chi phí này trong thời hạn 3 năm từ 2023 đến 2025. Do đó một số chỉ tiêu của năm trước và số đầu năm đã được điều chỉnh, trình bày lại trên Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2025, cụ thể như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	5.846.231.139.401	22.542.511.353	5.868.773.650.754
150	Tài sản ngắn hạn khác	52.614.566.391	22.542.511.353	75.157.077.744
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	22.542.511.353	22.542.511.353
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.618.067.098.592	(128.090.242.384)	2.489.976.856.208
260	Tài sản dài hạn khác	234.387.203.936	(128.090.242.384)	106.296.961.552
261	Chi phí trả trước dài hạn	234.387.203.936	(128.090.242.384)	106.296.961.552
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	8.464.298.237.993	(105.547.731.031)	8.358.750.506.962

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)
Cho niên độ kế toán 2025

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu 31/12/2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.444.979.012.184	(105.547.731.031)	2.339.431.281.153
410	Vốn chủ sở hữu	2.444.979.012.184	(105.547.731.031)	2.339.431.281.153
421	Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	49.205.767.667	(105.547.731.031)	(56.341.963.364)
421a	LNST CPP lũy kế đến cuối kỳ trước	70.548.446	(79.929.682.554)	(79.859.134.108)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	49.135.219.221	(25.618.048.477)	23.517.170.744
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	8.464.298.237.993	(105.547.731.031)	8.358.750.506.962

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu năm 2024 trước điều chỉnh	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu sau điều chỉnh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KD				
25	Chi phí bán hàng	403.411.075.073	25.618.048.477	429.029.123.550
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.283.308.341	(25.618.048.477)	18.665.259.864
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.135.219.221	(25.618.048.477)	23.517.170.744
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	49.135.219.221	(25.618.048.477)	23.517.170.744

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố chi phí phân bổ đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho niên độ kế toán 2023 và 2024 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
- Lợi nhuận sau thuế TNDN (trước hồi tố)	95.726.145.676	49.135.219.221
- Ảnh hưởng hồi tố	(79.929.682.554)	(25.618.048.477)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN (sau hồi tố)	15.796.463.122	23.517.170.744

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

2. Thông tin về các Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập từ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	4.912.230.772	4.795.192.309

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

➤ *Các giao dịch với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan*❖ *Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	201.727.315.063	2.804.758.813.244	2.700.764.524.055	305.721.604.252
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	(23.770.187.160)	58.179.237.181	70.537.677.272	(36.128.627.251)
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	7.116.450	108.683.550	115.800.000	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	-	7.349.674.808	7.349.674.808	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	-	1.323.297.000	1.323.297.000	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương	-	4.898.000	4.898.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	5.963.750.000	170.864.426.615	167.737.856.615	9.090.320.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	1.482.546.466	98.315.793.979	99.798.340.445	-
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	400.000	400.000	-
Cộng	185.410.540.819	3.140.905.224.377	3.047.632.468.195	278.683.297.001

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải thu trong năm	Đã thu / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	9.961.780.345	7.930.476.917	10.229.349.305	7.662.907.957
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	4.800.000.000	1.549.193.529.235	1.550.392.900.000	3.600.629.235
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương	7.033.670.043	6.457.028.794	7.033.670.043	6.457.028.794
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	-	36.804.200	36.804.200	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	-	48.900.000.000	-	48.900.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	-	462.047.213.743	446.871.283.743	15.175.930.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	3.743.327.000	3.743.327.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	11.250.000.000	11.250.000.000	-
Cộng	21.795.450.388	2.089.558.379.889	2.029.557.334.291	81.796.495.986

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

❖ *Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác*

Bên liên quan	Số đầu năm	Phải trả trong năm	Đã trả / giảm trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	4.736.710.174	234.139.782.997	234.651.319.612	4.225.173.559
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	-	260.000.000	260.000.000	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	22.822.000	128.184.000	151.006.000	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải S.T.S	-	16.007.890.000	15.523.250.000	484.640.000
Cộng	11.759.532.174	250.535.856.997	250.585.575.612	11.709.813.559

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

4. Thông tin về báo cáo bộ phận❖ *Theo khu vực địa lý*

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ *Theo lĩnh vực kinh doanh*

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Năm nay

Năm nay	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	20.982.586.595.292	168.397.565.844	67.549.592.690	21.218.533.753.826
- Giá vốn hàng bán	(20.294.463.041.913)	(74.843.260.150)	(20.432.305.103)	(20.389.738.607.166)
- Lợi nhuận gộp	688.123.553.379	93.554.305.694	47.117.287.587	828.795.146.660
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	89.191.902.596	89.191.902.596
- Chi phí tài chính	(187.109.417.509)	(25.438.588.111)	(71.610.303.261)	(284.158.308.881)
- Chi phí bán hàng	(299.811.578.522)	(30.063.933.262)	(25.466.741.161)	(355.342.252.945)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(61.758.312.349)	(8.396.393.358)	(4.994.436.249)	(75.149.141.956)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	139.444.244.999	29.655.390.963	34.237.709.512	203.337.345.474
- Thu nhập khác			16.097.555.080	16.097.555.080
- Chi phí khác	(84.212.668.218)	(11.449.190.581)	(14.376.163.283)	(110.038.022.082)
- Lợi nhuận khác	(84.212.668.218)	(11.449.190.581)	1.721.391.797	(93.940.467.002)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	55.231.576.781	18.206.200.382	35.959.101.309	109.396.878.472
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.451.794.655)	(5.249.418.930)	(614.228.845)	(16.315.442.430)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	44.779.782.126	12.956.781.452	35.344.872.464	93.081.436.042

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Năm trước

Năm trước	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	19.709.108.698.610	165.265.571.642	78.807.974.562	19.953.182.244.814
- Giá vốn hàng bán	(19.190.439.130.445)	(37.504.054.345)	(25.331.807.610)	(19.253.274.992.400)
- Lợi nhuận gộp	518.669.568.165	127.761.517.297	53.476.166.952	699.907.252.414
- Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	91.722.293.733	91.722.293.733
- Chi phí tài chính	(155.466.612.525)	(38.295.384.045)	(74.039.839.538)	(267.801.836.108)
- Chi phí bán hàng	(273.333.441.979)	(125.222.591.675)	(30.473.089.896)	(429.029.123.550)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(56.030.544.475)	(13.801.749.354)	(6.301.032.796)	(76.133.326.625)
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	33.838.969.186	(49.558.207.777)	34.384.498.455	18.665.259.864
- Thu nhập khác	-	-	63.487.051.021	63.487.051.021
- Chi phí khác	-	-	(58.635.140.141)	(58.635.140.141)
- Lợi nhuận khác	-	-	4.851.910.880	4.851.910.880
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.838.969.186	(49.558.207.777)	39.236.409.335	23.517.170.744
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	33.838.969.186	(49.558.207.777)	39.236.409.335	23.517.170.744

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

6. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành có hiệu lực trong năm 2025 như sau:

- Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 27 tháng 3 năm 2025.**
- Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Nghị định số 158/2025/NĐ-CP ngày 25/06/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025**
- Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ, quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 204/2025/QH15. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.**
- Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025.**
- Thông tư số 64/2025/TT-BTC, ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.**
- Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/07/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. .**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cho niên độ kế toán 2025

- Thông tư số 83/2025/TT-BTC ngày 15/08/2025 về việc bãi bỏ Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/08/2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước, của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2025
- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang